

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-02-2022.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1964.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố G, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1965.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Phố G, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T kết hôn năm 1985 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà ông H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Do cuộc sống gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên vợ chồng có bàn bạc và thống nhất để bà T đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài từ năm 2017. Từ khi bà T sang nước ngoài vợ chồng ít liên lạc dần, bà T cũng không còn quan tâm gia đình và ông nữa, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ khi đi đến nay bà T cũng không về Việt Nam, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc và cả hai không có ý thức vun vén hạnh phúc gia đình, không còn quan tâm nhau nữa. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung. Con lớn là Phan Thu H1, sinh năm 1985; con thứ hai là Phan Thị C, sinh năm 1988 và con thứ ba là Phan Tú H.A, sinh năm 2003. Các con đều đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 13/12/2021 và ngày 28/12/2021 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với chị Phan Thị C là con gái thứ hai của ông H, bà T, địa chỉ: Xóm 7, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xác định: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, chị C có thông tin qua điện thoại cho bà T được biết việc ông H đang yêu cầu xin ly hôn với bà, bà Lê Thị T có trao đổi lại: “Bà nhất trí về quan hệ hôn nhân như ông H đã khai là đúng. Ông H và bà T năm 1985 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đối với việc hiện nay ông H xin ly hôn bà cũng nhất trí do bà xác định vợ chồng hiện không còn liên lạc, quan tâm nhau. Về con chung: Như ông H đã khai là đúng. Các con bà đều phát triển khỏe mạnh, bình thường không ai bị nhược điểm về thể chất, tinh thần. Hiện ba con đều đã trưởng thành nên bà không có đề nghị gì. Về tài sản chung, nợ chung: không có, bà không đề nghị giải quyết. Hiện bà đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 25220/QLXNC-P5 ngày 26/10/2021 của Cục Xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định trường hợp Lê Thị T, sinh ngày 03/7/1965, có thông tin xuất, nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 19/8/2019 qua cửa khẩu nội bài bằng hộ chiếu số C1078579, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Phan Văn H chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của bà Lê Thị T ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của bà T ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của bà T là chị Phan Thị C, có đủ căn cứ xác định bà T vẫn liên hệ với chị C nhưng chị C cũng không cung cấp được địa chỉ của bà T và bà T cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng chị C cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của bà T ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa ông Phan Văn H và bà Lê Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện P, tỉnh

Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo ông H trình bày: Do giữa vợ chồng chị không còn tiếng nói chung. Đến năm 2017 bà T đi làm việc ở nước ngoài, sau đó ra ngoài sinh sống không cho ông biết địa chỉ. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị T. Phía bị đơn bà T, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (con gái ruột của bà T), bà cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, ông H xin ly hôn bà nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa ông H và bà T đã không còn tình cảm vợ chồng, sự quan tâm và thương yêu nhau không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, ông Phan Văn H và bà Lê Thị T đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H, cho ông H được ly hôn bà T là phù hợp với thực tế theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Ông Phan Văn H và bà Lê Thị T có 03 con chung. Con lớn là Phan Thu H, sinh năm 1985; con thứ hai là Phan Thị C, sinh năm 1988 và con thứ ba là Phan Tú H.A, sinh năm 2003. Đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, cho ông H được ly hôn với bà T; Con chung: Đều đã trưởng thành, không giải quyết; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 37 khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phan Văn H đối với bà Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn H được ly hôn với bà Lê Thị T.

2. Về con chung: Đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Ông H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000048 ngày 02/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bà T được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND thị trấn G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương